

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 15/4/2023**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Hữu Bằng	Nam	17/9/2005	TP. Hồ Chí Minh	Kinh	5.7	6.0	894/QĐ141/2023	TH005397	
2	Hà Thị Lương Chi	Nữ	15/9/2005	Nghệ An	Thái	5.3	6.5	895/QĐ141/2023	TH005398	
3	Nguyễn Văn Công	Nam	29/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	896/QĐ141/2023	TH005399	
4	Hoàng Hữu Đạt	Nam	11/4/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	898/QĐ141/2023	TH005401	
5	Phạm Văn Đô	Nam	24/8/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	899/QĐ141/2023	TH005402	
6	Nguyễn Bá Đức	Nam	11/3/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	900/QĐ141/2023	TH005403	
7	Lê Xuân Dũng	Nam	06/3/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	901/QĐ141/2023	TH005404	
8	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	08/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	905/QĐ141/2023	TH005408	
9	Trần Văn Hiếu	Nam	21/4/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	907/QĐ141/2023	TH005410	
10	Nguyễn Đình Ngọc Hoàng	Nam	04/12/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	908/QĐ141/2023	TH005411	
11	Bùi Đức Hoàn	Nam	25/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	909/QĐ141/2023	TH005412	
12	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	10/01/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	911/QĐ141/2023	TH005414	
13	Bùi Đức Hưng	Nam	20/01/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	912/QĐ141/2023	TH005415	
14	Nguyễn Trương Đức Huy	Nam	20/11/2005	TP. Hồ Chí Minh	Kinh	5.7	7.0	913/QĐ141/2023	TH005416	
15	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	05/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	914/QĐ141/2023	TH005417	
16	Cao Tiến Khanh	Nam	27/5/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	915/QĐ141/2023	TH005418	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
17	Nguyễn Thị Hồng Liên	Nữ	02/6/2004	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	916/QĐ141/2023	TH005419	
18	Phan Văn Lộc	Nam	12/8/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	917/QĐ141/2023	TH005420	
19	Lê Văn Long	Nam	09/3/2005	Hải Dương	Kinh	6.3	6.5	918/QĐ141/2023	TH005421	
20	Nguyễn Thị Ly	Nữ	24/6/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	919/QĐ141/2023	TH005422	
21	Lê Thị Thảo	Nữ	09/3/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	920/QĐ141/2023	TH005423	
22	Lê Văn Thông	Nam	29/5/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	923/QĐ141/2023	TH005426	
23	Phạm Thị Thùy	Nữ	14/6/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	924/QĐ141/2023	TH005427	
24	Đặng Quang Tiến	Nam	19/5/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	925/QĐ141/2023	TH005428	
25	Nguyễn Văn Anh Tú	Nam	29/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	927/QĐ141/2023	TH005430	
26	Trần Văn Đăng	Nam	24/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	5.5	931/QĐ141/2023	TH005434	
27	Đặng Văn Đoàn	Nam	29/8/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	932/QĐ141/2023	TH005435	
28	Lương Thành Đức	Nam	20/9/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	933/QĐ141/2023	TH005436	
29	Nguyễn Văn Dũng	Nam	04/5/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	934/QĐ141/2023	TH005437	
30	Vương Đình Dụng	Nam	27/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	935/QĐ141/2023	TH005438	
31	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	13/9/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	936/QĐ141/2023	TH005439	
32	Nguyễn Văn Huy	Nam	23/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	937/QĐ141/2023	TH005440	
33	Nguyễn Hữu Huỳnh	Nam	07/9/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	939/QĐ141/2023	TH005442	
34	Nguyễn Văn Khôi	Nam	06/11/2004	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	940/QĐ141/2023	TH005443	
35	Phan Thị Thùy Linh	Nữ	13/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	941/QĐ141/2023	TH005444	
36	Nguyễn Thị Lộc	Nữ	27/01/2004	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	942/QĐ141/2023	TH005445	
37	Nguyễn Cảnh Long	Nam	09/4/2005	Bình Dương	Kinh	5.3	6.0	943/QĐ141/2023	TH005446	
38	Lê Thị Ly	Nữ	01/6/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	944/QĐ141/2023	TH005447	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
39	Nguyễn Thị Ly	Nữ	17/7/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	945/QĐ141/2023	TH005448	
40	Nguyễn Sĩ Nguyên	Nam	13/8/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	946/QĐ141/2023	TH005449	
41	Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	09/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	6.0	947/QĐ141/2023	TH005450	
42	Phạm Văn Nhật	Nam	05/3/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	948/QĐ141/2023	TH005451	
43	Mã Hồng Phi	Nam	02/9/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.0	950/QĐ141/2023	TH005453	
44	Nguyễn Sỹ Phước	Nam	27/6/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	951/QĐ141/2023	TH005454	
45	Đình Viêt Quang	Nam	10/7/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	952/QĐ141/2023	TH005455	
46	Lê Huy Quê	Nam	10/02/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	953/QĐ141/2023	TH005456	
47	Lục Ngọc Sang	Nam	10/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	954/QĐ141/2023	TH005457	
48	Nguyễn Bá Tạo	Nam	23/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	955/QĐ141/2023	TH005458	
49	Lục Thị Thảo	Nữ	18/3/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	956/QĐ141/2023	TH005459	
50	Trần Thị Thơ	Nữ	24/01/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	959/QĐ141/2023	TH005462	
51	Trương Thị Thùy	Nữ	17/8/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	5.5	960/QĐ141/2023	TH005463	
52	Nguyễn Trí Tiến	Nam	15/5/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	5.0	961/QĐ141/2023	TH005464	
53	Bùi Đức Trường	Nam	10/01/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	963/QĐ141/2023	TH005466	
54	Bùi Lê Đức Võ	Nam	05/5/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.5	964/QĐ141/2023	TH005467	
55	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	02/01/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	965/QĐ141/2023	TH005468	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			

